TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2019
v/v Kiện xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cảm
2. Ông Nông Hữu Dần

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc "Kiện xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX - ST ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã H T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Ng (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã H T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Tôi và bà Lê Thị Ng đã chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2011 tại UBND xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau và không tôn trọng lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Lê Thị Ng.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Bảo A, sinh ngày 25/12/2010. Hiện nay cháu đang sống với tôi.

Tôi có nguyện vong được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật Bảo An cho đến khi cháu Nguyễn Nhật Bảo A trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu bà Lê Thị Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Thị Ng cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho Lê Thị Ng theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng Lê Thị Ng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Ng đã chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2011 tại UBND xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống ông T cho biết vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau và không tôn trọng lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Lê Thị Ng.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Ng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã được địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành, nay ông Nguyễn Ngọc T xin ly hôn bà Lê Thị Ng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Ng không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của ông Nguyễn Ngọc T xin ly hôn bà Lê Thị Ng là phù hợp theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T xin ly hôn bà Lê Thị Ng có một con chung Nguyễn Nhật Bảo A, sinh ngày 25/12/2010. Hiện nay cháu đang được ông Nguyễn Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của ông Nguyễn Ngọc T được nuôi con chung do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T giao là cháu Nguyễn Nhật Bảo A cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Lê Thị Ng được quyền đi lại thăm nom con chung, quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung ông Nguyễn Ngọc T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét..

[3] Về án phí: ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân gia đình, điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Ngọc T**.** Ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bà Lê Thị Ng.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Bảo A, sinh ngày 25/12/2010 cho ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Lê Thị Ng được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008310 ngày 18/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên